

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06-4-2018

V/v Tranh chấp “Xác định cha
cho con và cấp dưỡng nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Kim Loan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Loan;
2. Bà Trần Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Truyền – Kiểm Sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2018/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp xác định cha cho con và cấp dưỡng nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/3/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu T, sinh ngày 13/6/2000 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật cho chị T: Bà Đặng Thị Hồ T1, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T, bà T1, anh N có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trần Thị Thu T và đại diện hợp pháp theo pháp luật của chị T là bà Đặng Thị Hồ T1 trình bày:

Chị Trần Thị Thu T và anh Phạm Văn N quen biết nhau vào năm 2015. Trong khoảng thời gian này N đã nhiều lần dụ dỗ và giao cấu với chị. Hậu quả là chị đã mang thai, đến ngày 11/12/2016 chị đã sinh ra cháu Trần Thị Như Y. Bản thân N và gia đình không thừa nhận đây là con chung của N. Chị đã trình báo với Công an huyện C để khởi tố hình sự đối với N, tuy nhiên quá trình điều tra Công an huyện C đã ra thông báo số 66 và quyết định không khởi tố hình sự số 66 ngày 10/10/2017 với lý do tại thời điểm thực hiện hành vi giao cấu N chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Nay, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Công nhận Trần Thị Như Y sinh ngày 11/12/2016 là con ruột của anh Phạm Văn N và chị Trần Thị Thu T.

Yêu cầu anh Phạm Văn N cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2018 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và lao động được.

Tại bản tự khai ngày 16/3/2018, trong quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn N là bị đơn trình bày:

Anh thừa nhận anh là cha của cháu Trần Thị Như Y sinh ngày 11/12/2016. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Trần Thị Thu T mỗi tháng là 1.500.000 đồng anh không có khả năng, anh chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con 700.000 đồng đến 800.000 đồng /tháng.

Tại phiên tòa chị Trần Thị Thu T và bà T1 thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chị xin rút yêu cầu xác định anh Phạm Văn N là cha của cháu Trần Thị Như Y, chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng. Anh N không đồng ý.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự và việc giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, N vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận anh N là cha cháu Y và chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Thu T có đơn yêu cầu tranh chấp xác định cha cho con và cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Văn N. Căn cứ vào khoản 10, Điều 29 và khoản 5 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *“Tranh chấp xác định cha cho con và cấp dưỡng nuôi con”*.

Anh Phạm Văn N là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về nội dung vụ án:

- Đối với yêu cầu xác định cha cho con: Tại phiên tòa chị T trình bày anh Phạm Văn N là người cha không có trách nhiệm. Từ lúc sinh cháu Y đến nay anh N và gia đình anh N không đến thăm nom, chăm sóc cháu Y. Anh N không thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của một người cha, chị T không yêu cầu Tòa án công nhận anh N là cha ruột của cháu Y. Về phía anh N anh thừa nhận anh là cha ruột của cháu Y, anh không có đến thăm cháu Y nhưng anh vẫn có tình thương của người cha đối với con. Mặc dù tại phiên tòa hôm nay chị T rút yêu cầu nhưng anh N mong muốn Hội đồng xét xử ghi nhận anh là cha ruột của cháu Y. Xét yêu cầu của anh N là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật và để đảm bảo quyền lợi cho cháu Y nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh N, công nhận anh Phạm Văn N là cha ruột của cháu Trần Thị Như Y.

- Xét nội dung khởi kiện của chị T yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con từ tháng 4/2018 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định: Chị T và anh N không có đăng ký kết hôn mà chỉ chung sống với nhau, giữa anh chị có một con chung là cháu Trần Thị Như Y và anh N cũng thừa nhận cháu Y là con ruột của anh.

Chị T là người trực tiếp nuôi con chung tên Trần Thị Như Y, sinh ngày 11/12/2016, từ lúc sinh cháu Y cho đến nay anh N không hỗ trợ bất kỳ chi phí nào để chị T nuôi con. Hiện tại cháu Y mới hơn 1 tuổi, việc nuôi dưỡng cháu Y cần rất nhiều chi phí cho sinh hoạt và đời sống hằng ngày của cháu. Đồng thời, chị T không có công việc làm và không có Thu nhập, anh N cũng không góp chi phí cho chị T nuôi con. Xét, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng của chị T là vượt quá khả năng của anh N do hiện nay gia đình anh có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh N là lao động phổ thông không có việc làm ổn định.

Điều 116, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa Thuận căn cứ vào Thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa Thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa Thuận; nếu không thỏa Thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.”*

Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 4/2018 cho đến khi con chung tên Trần Thị Như Y, sinh ngày 11/12/2016 trưởng thành đủ 18 tuổi và lao động được là phù hợp theo quy định tại Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Phạm Văn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức Thu, miễn, giảm, Thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 28; khoản 10 Điều 29; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 88, Điều 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức Thu, miễn, giảm, Thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Văn N. Công nhận anh Phạm Văn N là cha ruột của cháu Trần Thị Như Y, sinh ngày 11/12/2016.

2. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thu T về việc yêu cầu anh Phạm Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Buộc anh Phạm Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thị Như Y, sinh ngày 11/12/2016 số tiền 1.000.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 4/2018 cho đến khi cháu Y trưởng thành đủ 18 tuổi và lao động được.

Anh Phạm Văn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Anh Phạm Văn N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T1ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. C;
- Toà án Tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS H. C;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Kim Loan